**PHỤ LỤC 1**

**DANH MỤC LĨNH VỰC PHẢI THỰC HIỆN KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2021   
của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực phải kiểm kê khí nhà kính** |
| **I** | **Năng lượng** |
| 1 | Công nghiệp sản xuất năng lượng |
| 2 | Tiêu thụ năng lượng trong thương mại, dịch vụ và dân dụng |
| 3 | Khai thác than |
| 4 | Khai thác dầu và khí tự nhiên |
| **II** | **Giao thông vận tải** |
| 1 | Tiêu thụ năng lượng trong giao thông vận tải |
| **III** | **Xây dựng** |
| 1 | Tiêu thụ năng lượng trong ngành xây dựng |
| 2 | Các quá trình công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng |
| **IV** | **Các quá trình công nghiệp** |
| 1 | Sản xuất hóa chất |
| 2 | Luyện kim |
| 3 | Công nghiệp điện tử |
| 4 | Sử dụng sản phẩm thay thế cho các chất làm suy giảm tầng ô-dôn |
| 5 | Sản xuất và sử dụng các sản phẩm công nghiệp khác |
| **V** | **Nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất** |
| 1 | Phát thải từ chăn nuôi |
| 2 | Sử dụng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất |
| 3 | Canh tác nông nghiệp |
| 4 | Tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản |
| 5 | Các nguồn phát thải nông nghiệp khác |
| **VI** | **Chất thải** |
| 1 | Phát thải từ bãi chôn lấp chất thải rắn |
| 2 | Phát thải từ xử lý chất thải rắn bằng phường pháp sinh học |
| 3 | Phát thải từ thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải |
| 4 | Xử lý và xả thải nước thải |